TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **611**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 14 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 663/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lê Anh V**, sinh năm 2003; căn cước công dân số: 046203002785; Địa chỉ: Tổ C, khu V, phường A, thành phố H;
- Chị **Trần Thị Phương N,** sinh năm 2004; căn cước công dân số: 046304000426; Địa chỉ: 1 Đ, phường T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh V và chị Trần Thị Phương N đăng ký kết hôn vào ngày 17/08/2023 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường A, thành phố H), trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh V và chị N chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh V và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh V và chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh V và chị N.

[2] Về con chung: Anh Lê Anh V và chị Trần Thị Phương N xác nhận vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Lê Trần Phương U, sinh ngày 05/04/2023; Lê Trần An N1, sinh ngày 01/10/2025. Hiện nay cháu Lê Trần

Phương U đang ở với anh Lê Anh V và cháu Lê Trần An N1 ở với chị Trần Thị Phương N .

Anh V và chị N thỏa thuận: Giao cháu Lê Trần Phương U cho anh Lê Anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi); giao cháu Lê Trần An N1 cho chị Trần Thị Phương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Anh V và chị Trần Thị Phương N xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Anh V và chị Trần Thị Phương N thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000615 ngày 27/08/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh V và chị N đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 09 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 09 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh V và chị Trần Thị Phương N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Anh V và chị Trần Thị Phương N xác nhận vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Lê Trần Phương U, sinh ngày 05/04/2023; Lê Trần An N1, sinh ngày 01/10/2025. Hiện nay cháu Lê Trần Phương U đang ở với anh Lê Anh V và cháu Lê Trần An N1 đang ở với chị Trần Thị Phương N .

Anh V và chị N thỏa thuận: Giao cháu Lê Trần Phương U cho anh Lê Anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi); giao cháu Lê Trần An N1 cho chị Trần Thị Phương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Anh V và chị Trần Thị Phương N xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Anh V và chị Trần Thị Phương N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000615 ngày 27/08/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh V và chị N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Điều 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường An Cựu;
(*ĐKKH số 67 ngày 17/8/2023 tại UBND phường An Đông);*
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hương Lan